

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 7 - 2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:** Vào năm 2008 chị và anh Nguyễn Hữu T sau thời gian tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh T, thời gian đầu sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2014. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

không hợp nhau, anh T chỉ lo ăn chơi, không lo cho gia đình và vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay, trong thời gian ly thân không có hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

+ Về con, có 02 con chung: tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2014 (hiện đang sống với anh T) chị thống nhất giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: Vào năm 2008 anh và chị Võ Thị H sau thời gian tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh, thời gian đầu sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2014. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân hơn một năm nay, việc vợ anh yêu cầu ly hôn là vì trước đây anh đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh có quen người này người kia, vợ anh ghen nên anh đã bỏ về quê làm ăn sinh sống, nên vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Nay vợ anh (chị H) yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, vì còn thương vợ con.

+ Về con, có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2014 (hiện đang sống với anh) anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị H và anh Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị H và anh T hoà thuận thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa cụ thể từ đầu năm 2020 anh T chỉ lo ăn chơi, không lo cho gia

đình, vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay, trong thời gian ly thân không có hàn gắn được. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh T; còn anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, trước đây anh đi làm ở Thành phố có quen người này người kia, vợ anh ghen nên anh đã bỏ về quê làm ăn sinh sống, nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án động viên chị H và anh T đoàn tụ nhiều lần, nhưng chị H kiên quyết ly hôn, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh T không có biện pháp nào để hàn gắn được mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Võ Thị H và anh Nguyễn Hữu T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Võ Thị H xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu T phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: chị Võ Thị H và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2014 (hiện đang sống với anh T). Chị H và anh T có cùng ý kiến và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu N nguyện vọng sống với cha là anh T, cho nên giao 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị H không phải cấp dưỡng do anh Nguyễn Hữu T chưa yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị H và anh Nguyễn Hữu T cho rằng không có, nên không xem xét giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn chị Võ Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp; Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 27/8/2010, nên quan hệ vợ chồng của chị Võ Thị H và anh Nguyễn Hữu T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị H khai là tình cảm vợ chồng không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn, anh T chỉ biết ăn chơi, không chăm lo cho gia đình; anh T thì khai do chị H ghen cho rằng anh quen với người phụ nữ khác trong thời gian đi

làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, có sự việc vậy nên kể từ đầu năm 2020 anh T, chị H bắt đầu ly thân cho đến nay. Nay chị H xin được ly hôn với anh T; còn anh T thì không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ con. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tình cảm vợ chồng của anh T với chị H không còn, cụ thể qua các lần hòa giải Tòa án đã nhiều lần động viên anh T, chị H về đoàn tụ lại với nhau, nhưng chị H kiên quyết ly hôn, do đó xét thấy mặc dù anh T không thống nhất ly hôn, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng của chị H, anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh T.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo anh T, chị H đều khai là có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2014 (hiện đang sống với anh T) và anh T, chị H thống nhất giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con. Hội đồng xét xử, xét thấy: sự tự nguyện thỏa thuận trong việc nuôi con chung của anh T, chị H nêu trên là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của con (tại các bản tự khai của cháu Thùy L và Kim N ngày 09/6/2021), nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chưa yêu cầu, nên chị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: Chị H, anh T khai rằng không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0003121 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Anh Nguyễn Hữu T (là cha) được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 27/02/2014 (hiện đang sống với anh T), (Theo thỏa thuận của anh T, chị H và nguyện vọng của các

con); Chị Võ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Võ Thị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Nguyễn Hữu T chưa yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Võ Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0003121 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Võ Thị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng; Anh Nguyễn Hữu T không phải nộp án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Võ Thị H, bị đơn anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã P;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách